TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 491/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Thanh Hồng
Ông Võ Thành Viên
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Toà án Gò Vấp
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1402/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Dạ T, sinh năm 1977; Địa chỉ: quận Gò Vấp, Tp. HCM

Bị đơn: Ông Vũ Duy H, sinh năm 1962; Địa chỉ: quận Gò Vấp, Tp. HCM
(Bà T và ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn là bà Phạm Thị Dạ T và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Bà Phạm Thị Dạ T và ông Vũ Duy H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 00029/2002, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2002. Ông bà có hai con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 10/02/2003 và Vũ Kiều P, sinh ngày 10/10/2007. Cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến nên thường xảy ra cải vã về cách thức sinh hoạt, về cách giáo dục con cái, về cách cư xử với người thân trong gia đình, về lòng tin đối với nhau không còn và do ghen tuông. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên bà Thảo yêu cầu ly hôn với ông Hiển để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P và giao trẻ H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Tự giải quyết. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Vũ Duy H khai rằng bà Thảo có biểu hiện không chung thủy nên muốn ly hôn để được tự do. Ông H thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được nhưng không đồng ý ly hôn vì không muốn các con bị chia tách và muốn có thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung ông H mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung các bên tự giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự có mặt. Bà T vẫn bảo lưu ý kiến như nêu trên. Ông H khai rằng còn tình cảm đối với bà T nên không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Vũ Duy H có địa chỉ cư trú tại --- quận Gò Vấp, thành phố Hồ chí Minh nên bà Phạm Thị Dạ Thảo gửi đơn ly hôn đến Toà án nhân dân quận Gò Vấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T và ông H thương yêu, tìm hiểu và tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 00029/2002, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2002. Nay bà T yêu cầu ly hôn, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

2.1 Về tình trạng hôn nhân:

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do cả hai không hợp tính tình nên thường xuyên bất đồng, cải vã, xung đột. Hiện nay bà T xác định tình cảm dành cho ông H không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, các đương sự thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý ly hôn vì muốn các con không bị chia tách và duy trì hôn nhân nhằm có thêm thời gian để hàn gắn nhưng những giải pháp ông Hiển đưa ra cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng trong suốt thời gian qua. Bà Thảo cũng đã dọn ra ở riêng với trẻ Phương và cuộc sống đã dần ổn định.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu chứng cứ bà T nộp có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1269/2017/QĐST – HNGĐ ngày 08/9/2017. Điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H từng xảy ra mâu thuẫn nên bà T nộp đơn yêu cầu ly hôn ông H vào tháng 8/2017. Bà đã rút yêu cầu khởi kiện để duy trì hôn nhân với mong muốn cải thiện cuộc sống vợ chồng nên tòa án đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án như nêu trên. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân vẫn không có kết quả tốt đẹp nên bà tiếp tục nộp đơn ly hôn vào tháng 10/2017. Mặt khác, việc bà T dọn ra ở riêng cho thấy bà T không còn tình cảm đối với ông H. Ông H thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn. Và cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn trong suốt thời gian qua. Điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của bà T và ông H lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ được cuộc sống vợ chồng, nên ly hôn là giải pháp tốt nhất để cả hai tự ổn định cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Về con chung: Các bên đương sự tranh chấp quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cụ thể:

Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P và giao ông H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Trường hợp được nuôi dưỡng cả hai con chung bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hiện bà T và ông H đã sống ly thân; Bà T dẫn theo trẻ P để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ H từ tháng 01/2018 đến nay.

Tài liệu chứng cứ bà T cung cấp cho tòa án là Thỏa thuận tuyển dụng ký ngày 22/3/2013 và phiếu lương bốn tháng liên tục từ tháng 7,8,9,10/2017 thể hiện thu nhập hàng tháng của bà Thảo bình quân từ 13 triệu đồng một tháng.

Tài liệu chứng cứ ông H cung cấp cho tòa án là Hợp đồng lao động ký ngày 05/01/2012; Giấy thỏa thuận công việc dạy thêm tiếng anh thể hiện thu nhập hàng tháng của ông Hiển bình quân từ 11 triệu đồng một tháng.

Do đó, đề nghị của bà T là mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một trẻ và không bên nào cấp dưỡng cho bên nào là phù hợp với tình hình thu nhập của các bên, phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Dạ T được ly hôn ông Vũ Duy H. Giấy chứng nhận kết hôn số 00029/2002, quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/3/2002 không còn giá trị.

Về con chung: Có hai con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 10/02/2003 và Vũ Kiều P, sinh ngày 10/10/2007.

Giao bà Phạm Thị Dạ T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Kiều P, sinh ngày 10/10/2007.

Giao ông Vũ Duy H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vũ Gia H, sinh ngày 10/02/2003.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi về cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xét.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Phạm Thị Dạ T chịu. Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2017/0027716 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- UBND P1, QGV, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Tứ Nhị